

# NỘI DUNG BÀI GHI MÔN LỊCH SỬ 6 -HKI

## Chủ đề 1. Khái quát về lịch sử (3 tiết)

### Bài 1: LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG

#### I. Lịch sử và môn lịch sử

- *Lịch sử* là tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ, bao gồm mọi hoạt động của con người từ khi xuất hiện đến nay.
- *Môn lịch sử* là môn khoa học tìm hiểu về lịch sử loài người, bao gồm toàn bộ hoạt động của con người và xã hội loài người trong quá khứ.

#### II. Vì sao phải học lịch sử?

- Học lịch sử để biết được cội nguồn của tổ tiên, quê hương, đất nước, hiểu được ông cha ta đã phải lao động, sáng tạo, đấu tranh như thế nào để có được đất nước như ngày nay.
- Học lịch sử để đúc kết những bài học kinh nghiệm của quá khứ nhằm phục vụ cho hiện tại và tương lai.

#### III. Khám phá quá khứ từ những nguồn sử liệu

- Tư liệu gốc: Liên quan đến trực tiếp đến sự kiện lịch sử, ra đời vào thời điểm diễn ra sự kiện
- Tư liệu truyền miệng: Là những câu chuyện dân gian: truyền thuyết, thần thoại, cổ tích... được kể từ đời này sang đời khác.
- Tư liệu chữ viết: Các bản chữ khắc trên xương, mai rùa, vỏ cây, đá, viết tay hoặc ghi trên giấy.

### Bài 2: THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ

#### I. Âm lịch, dương lịch

- Âm lịch: được tính theo chu kì chuyển động của mặt trăng quay quanh trái đất.
- Dương lịch: được tính theo chu kì chuyển động của trái đất quay quanh mặt trời (còn gọi là công lịch).

#### II. Cách tính thời gian

- Lịch chính thức của thế giới hiện nay dựa theo cách tính thời gian của dương lịch hay còn gọi là công lịch.
- *Công lịch* lấy năm 1 là năm tương truyền chúa Giê-xu ra đời
- Muốn biết năm TCN cách hiện tại thì làm phép cộng.
- Muốn biết SCN cách hiện tại ta làm phép trừ.

## **Chủ đề 2. Xã hội nguyên thủy (5 tiết)**

### **BÀI 3: NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI**

#### **I. Quá trình tiến hoá từ vượn người thành người**

	<b>VUỒN NGƯỜI</b>	<b>NGƯỜI TỐI CỔ</b>	<b>NGƯỜI TINH KHÔN</b>
<b>Dáng đứng</b>	Dáng thấp, đứng bằng hai chi sau, dáng cúi về phía trước	Đứng thẳng hoàn toàn bằng hai chi sau, dáng hơi cúi về phía trước	Dáng đứng thẳng, nhanh nhẹn
<b>Tay và chân</b>	2 chi trước dài, 2 chi sau ngắn, đi lại bằng 4 chi	Đi bằng 2 chi sau, 2 chi trước được giải phóng để cầm nắm công cụ lao động.	Tay chân nhanh nhẹn, linh hoạt
<b>Bộ lông</b>	Bao phủ bởi một lớp lông dày	Bao phủ bởi một lớp lông mỏng	Lớp lông mỏng không còn
<b>Thể tích não</b>	< 850 cm <sup>3</sup>	Từ 850-1100cm <sup>3</sup>	Từ 1450-1500 cm <sup>3</sup>
<b>Thời gian</b>	Xuất hiện cách đây khoảng từ 5-6 triệu năm.	Xuất hiện khoảng 4 triệu năm trước	Xuất hiện khoảng 150.000 năm trước
<b>Đặt tên</b>	Vượn người	Người tối cổ	Người tinh khôn

#### **II. Những dấu tích của quá trình chuyển biến từ vượn thành người ở Đông Nam Á và Việt Nam**

- Ở Đông Nam Á: Mi-an-ma; Thái Lan, Việt Nam. Indonexia, Philippin, Malayxia  
⇒ Đông Nam Á là một trong những chiếc nôi của loài người
- Ở Việt Nam: Núi Đọ, An Khê, Xuân Lộc, Thảm Khuyên, Thảm Ha -> Là một trong những chiếc nôi của loài người  
⇒ Quá trình chuyển biến từ Vượn người thành người ở Đông Nam Á và Việt Nam diễn ra liên tục.

## **BÀI 4: XÃ HỘI NGUYÊN THỦY**

### **I. Các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy**

- Xã hội nguyên thủy kéo dài hàng triệu năm
- Tổ chức xã hội: từ bầy người nguyên thủy chuyển lên thị tộc, bộ lạc.
- Của cải chung, làm chung, hưởng thụ bằng nhau.

### **II. Đời sống của người nguyên thủy**

#### **1. Lao động và công cụ lao động**

- Lao động giúp con người phát triển trí thông minh, đôi bàn tay dần trở nên khéo léo, cơ thể biến đổi giúp con người tự cải biến mình và cuộc sống của chính mình
- Công cụ lao động : Rìu tay Tan-da-ni-a châu Phi, mảnh tước, rìu đá...giúp con người tự tạo ra được lương thực, thức ăn cần thiết để đảm bảo cuộc sống của mình.

#### **2. Tù hái lượm, săn bắt đến trồng trọt, chăn nuôi**

- Đời sống nguyên thủy: họ sống phụ thuộc vào tự nhiên
- Cách thức lao động:
  - + Hái lượm, săn bắt thú rừng
  - + Họ thuần dưỡng các con vật , chăn nuôi, trồng ngũ cốc, rau quả
  - + Họ đã biết cách sử dụng lửa để nấu chín đồ ăn, xua đuổi thú dữ, sưởi ấm,...
- Địa bàn cư trú mở rộng và chuyển sang định cư.

### **III. Đời sống tinh thần của người nguyên thủy**

- Đời sống tâm linh: có tục chôn người chết...
- Nghệ thuật: tranh vẽ trong hang đá, điêu khắc trên đá, ngà voi...

## **BÀI 5. SỰ CHUYỂN BIẾN TỪ XÃ HỘI NGUYÊN THỦY SANG XÃ HỘI CÓ GIAI CẤP**

### **I. Sự xuất hiện của công cụ lao động bằng kim loại và sự chuyển biến trong xã hội nguyên thủy**

- Thiên niên kỉ V TCN: phát hiện ra đồng đỏ
- Thiên niên kỉ II TCN: luyện được đồng thau và sắt

- Ngành sản xuất mới: luyện kim, chế tạo công cụ lao động, chế tạo vũ khí

→ sản xuất phát triển tạo ra sản phẩm dư thừa.

## **II. Sự chuyển biến trong xã hội nguyên thủy**

- Xã hội phân hóa giàu nghèo

- Xã hội nguyên thủy tan rã nhường chỗ cho xã hội có giai cấp

- Ở Phương Đông xã hội phân hóa không triệt để vì cần có sự liên kết để làm thủy lợi và chống ngoại xâm

## **III. Việt Nam cuối thời kì nguyên thủy**

a. Sự xuất hiện kim loại

- Thời gian xuất hiện: khoảng 4000 năm trước.

- Địa điểm: Địa bàn trên khắp cả nước.

b. Sự phân hóa và tan rã của xã hội nguyên thủy

- Địa bàn cư trú mở rộng

- Nghề nông phát triển.

- Tập trung dân cư ở ven các con sông lớn.

- Sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội.

→ Là cơ sở cho sự xuất hiện các quốc gia sơ kì đầu tiên ở Việt Nam.

## **Chủ đề 3. Xã hội cổ đại phương Đông và phương Tây ( 8 tiết)**

### **Bài 6. AI CẬP CỔ ĐẠI**

#### **I. Điều kiện tự nhiên**

- Ai Cập nằm ở đông bắc châu Phi, có lưu vực sông Nin rộng lớn.
- Tác động của điều kiện tự nhiên:
  - + Kinh tế nông nghiệp phát triển sớm → nền văn minh hình thành sớm.
  - +Liên kết công xã, tạo điều kiện cho nhà nước ra đời.
  - +Có nhiều phát minh quan trọng phục vụ sản xuất.

#### **II. Quá trình thành lập nhà nước Ai Cập cổ đại**

- Khoảng năm 3000 TCN, vua Na-mơ thống nhất Ai Cập, nhà nước ra đời
- Đứng đầu nhà nước Ai Cập cổ đại là Pha-ra-ông có quyền lực tối cao.

#### **III. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu**

- Ai Cập cổ đại đạt nhiều thành tựu quan trọng, nổi bật có giá trị, đóng góp đối với nền văn minh nhân loại như: chữ viết, toán học, thiên văn học, y học, kiến trúc – điêu khắc,...

### **Bài 7. LƯỠNG HÀ CỔ ĐẠI**

#### **I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN**

- Lưỡng Hà nằm ở lưu vực các con sông lớn Ô-phơ-rát, Ti-gơ-rơ.
- Địa hình bằng phẳng, rộng lớn → nông nghiệp, buôn bán phát triển.
- Tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Lưỡng Hà
  - + Kinh tế nông nghiệp phát triển sớm.
  - + Hoạt động buôn bán phát triển
- Tạo điều kiện cho nhà nước ra đời

#### **II. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP NHÀ NƯỚC LƯỠNG HÀ CỔ ĐẠI**

- Khoảng 3500 TCN, người Xu-mer xây dựng những quốc gia thành thị → nhà nước đầu tiên của người Lưỡng Hà.
- Hạ lưu sông Ô-phơ-rát và Ti-gơ-rơ là nơi tập trung nhiều quốc gia thành thị nổi tiếng, đặc biệt là thành Ba-bi-lon.

#### **III. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HÓA TIÊU BIỂU**

- Luồng Hà cổ đại đạt nhiều thành tựu quan trọng, nổi bật có giá trị, đóng góp đối với nền văn minh nhân loại như: chữ viết, toán học, thiên văn học, y học, kiến trúc – điêu khắc,...

## BÀI 8: AN ĐỘ CỔ ĐẠI

### I. Điều kiện tự nhiên

- Là bán đảo Nam Á, nằm trên trục đường biển từ tây sang Đông.
- Phía Bắc bao bọc bởi một vòng cung khổng lồ - dãy Hi-ma-lay-a. Có nhiều sông lớn như sông Ấn, sông Hằng,... bồi đắp phù sa màu mỡ.

### II. Xã hội Ấn Độ cổ đại



Hình 7.3. Sơ đồ các đẳng cấp trong xã hội Ấn Độ cổ đại

### III. Những thành tựu văn hoá tiêu biểu

- Tôn giáo: đạo Bà La Môn, đạo Phật
- Chữ viết: chữ Phạn.
- Văn học: sử thi Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-y-a-na.
- Toán học: hệ số có 10 chữ số, đặc biệt là giá trị của số 0

## BÀI 9: TRUNG QUỐC TỪ THỜI CỔ ĐẠI ĐẾN THẾ KỈ VII

### 1. Điều kiện tự nhiên

- Thời cổ đại, Trung Quốc nhỏ hơn ngày nay.
- Hệ thống sông Hoàng Hà, Trường Giang bồi đắp lượng phù sa màu mỡ.

- Những nhà nước cổ đại đầu tiên ra đời ở lưu vực sông Hoàng Hà; tiếp đó là ở hạ lưu sông Trường Giang.

## **2. Quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến dưới thời Tần Thủy Hoàng**

- Đến cuối thời nhà Chu, Tần Doanh Chính đã lần lượt đánh chiếm các nước (Yên, Triệu, Ngụy, Hán, Sở, Tề), thống nhất Trung Quốc.

- Những biện pháp mà Tần Thủy Hoàng đã thực hiện để thống nhất toàn diện Trung Quốc:

+ Quân sự: chấm dứt chiến tranh liên miên, thống nhất lãnh thổ và mở rộng lãnh thổ.

+ Kinh tế: Thống nhất tiền tệ, tạo điều kiện lưu thông hàng hóa.

+ Văn hoá: thống nhất chữ viết tạo thuận lợi cho giao lưu tiếp xúc giữa các vùng miền.

## **3. Từ nhà Hán, Nam- Bắc triều đến nhà Tùy**

- Sau nhà Tần, Trung Quốc thời kì này gắn liền với những triều đại: Hán, Tam quốc, Tần, Nam - bắc triều, Tùy.

- Đặc điểm nổi bật của thời kì này: Trung Quốc bước vào thời kì loạn lạc, thống nhất xen kẽ chia rẽ.

## **4. Thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Trung Quốc**

- Tư tưởng: Nho giáo

- Chữ viết: chữ tượng hình

- Văn học: Kinh thi của Khổng Tử và Sở Từ của Khuất Nguyên

- Sử học: Bộ Sử kí của Tư Mã Thiên

- Y học: cách chữa bệnh bằng thảo dược châm cứu, bấm huyệt.

- Kiến trúc: các cung điện, lăng tẩm nguy nga, lộng lẫy, đặc biệt là Vạn Lí Trường Thành.

- Khoa học-kỹ thuật: Địa động nghi, kỹ thuật dệt tơ lụa, kỹ thuật làm giấy.

## **Chủ đề 3. Xã hội cổ đại phương Đông và phương Tây (tiếp theo).**

(5 tiết)

## BÀI 10: HI LẠP CỔ ĐẠI

### I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

- Địa hình chủ yếu là đồi núi, đất đai khô cằn.
- Đường bờ biển dài. Nhiều khoáng sản. Khí hậu ẩm áp
- Tác động đến phát triển kinh tế: phụ thuộc vào biển, phát triển mạnh các ngành kinh tế gắn với biển (thương mại, đánh bắt cá, nuôi trồng thủy, hải sản). cảng biển, phát triển đóng tàu, thuyền, phát triển thương mại trên biển; phát triển các ngành thủ công nghiệp (làm gốm, chế tác đá; sản xuất dầu ô liu, chế biến rượu vang; không thuận lợi cho phát triển nông nghiệp.

### II. TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC THÀNH BANG

- Hy Lạp cổ đại bao gồm nhiều thành bang độc lập
- Nhà nước A-ten gồm 4 cơ quan chính: Đại hội nhân dân, Hội đồng 10 tướng lĩnh, Hội đồng 500 và Toà án 6000 người

⇒ Nhà nước thành bang Hy Lạp cổ đại mang tính dân chủ cao.

### III HOÁ TIÊU. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN BIỂU

- Chữ viết: Người Hy Lạp sáng tạo ra hệ thống chữ viết gồm 24 chữ cái.
- Khoa học: Hy Lạp là quê hương của nhiều nhà khoa học nổi tiếng: (Aristotes), Archimedes, Herodotes, Pythagoras, Platon Socrates, ...
- Văn học: sử thi Illiad - Odyssey và các vở kịch.
- Kiến trúc và điêu khắc: Đền Pác-tê-nông (Parthenon), nhà hát Đi-ô-ni-xốt (Dionysos) của A-ten; hay những tác phẩm về điêu khắc như tượng thần Dớt (Zeus),

## BÀI 11: LA MÃ CỔ ĐẠI

### I. Điều kiện tự nhiên

+ Vị trí: Nơi phát sinh ban đầu của La Mã cổ đại là bán đảo I-ta-li-a. Bán đảo I-ta-li-a có hàng nghìn km đường bờ biển, nằm ở vị trí trung tâm Địa Trung Hải. Khoáng sản: Có nhiều đồng, chì, sắt. Đất đai: Màu mỡ thuận lợi trồng trọt. Sông ngòi: Bán đảo I-ta-li-a có hàng nghìn km đường bờ biển.

## **II. Tổ chức Nhà nước La Mã cổ đại**

+ Ban đầu của La Mã cổ đại: Khi mới thành lập, La Mã chỉ là một thành bang nhỏ bé ở miền Trung bán đảo I-ta-li-a.

+ Dần dần, thông qua chiến tranh, lãnh thổ La Mã không ngừng được mở rộng và trở thành một đế chế rộng lớn. Vào đầu thế kỉ II, lãnh thổ của đế chế La Mã bao gồm toàn bộ vùng đất xung quanh Địa Trung Hải, vùng ven bờ Đại Tây Dương và quần đảo Anh.

+ La Mã thiết lập hình thức nhà nước cộng hoà không có vua, cai trị dựa trên luật pháp và mọi chức vụ phải được bầu ra.

## **III. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu**

- Hệ thống chữ La-tinh ra đời trên cơ sở tiếp thu chữ cái của người Hy Lạp. Nó bao gồm 26 chữ cái, là nền tảng cho hơn 200 ngôn ngữ và chữ viết hiện nay.

- Người La Mã còn tạo ra hệ thống chữ số với 7 chữ cái cơ bản, gọi là chữ số La Mã.

- Hệ thống luật La Mã được coi là tiên bộ nhất thời cổ đại và trở thành nền tảng cho việc xây dựng luật pháp ở các nước Âu - Mỹ sau này.

- Nhờ phát minh ra bê tông, Người La Mã đã xây dựng được những công trình kiến trúc đồ sộ, nguy nga: đấu trường cô-li-dê, đền Pác-tê-nông...

## **Chủ đề 4. Đông Nam Á từ thế kỉ tiếp giáp công nguyên đến thế kỉ X( 4 tiết)**

### **Bài 12: CÁC VƯƠNG QUỐC CỔ Ở ĐÔNG NAM Á.**

#### **I. Vị trí địa lí của Đông Nam Á.**

- Đông Nam Á nằm ở phía đông nam của châu Á, cầu nối giữa Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương; là cầu nối giữa Trung Quốc, Nhật Bản với Ấn Độ, Tây Á và Địa Trung Hải.

- Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, lượng mưa lớn, thuận lợi trồng cây lúa nước, các loại gia vị và cây hương liệu quý hiếm.

## **II. Sự xuất hiện các vương quốc cổ từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII**

- Cơ sở hình thành:

+ Nghề nông trồng lúa nước.

+ Sự giao lưu thương mại với thế giới bên ngoài.

- Các vương quốc cổ:

+ Pe-gu, Tha-ton (Myanmar)

+ Chăm-pa, Phù Nam (Việt Nam)

+ Đôn Tồn, Xích Thổ (Miền nam Thái Lan và Ma-lai-xi-a)

+ Ma-lay-u, Ta-ru-ma (In-đô-nê-xi-a)

## **III. Sự hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á từ thế kỉ XII đến thế kỉ X**

- Các vương quốc đó thuộc quốc gia Đông Nam Á ngày nay:

- Pe-gu, Tha-ton → My-an-ma.

- Chăm-pa, Phù Nam → Việt Nam.

- Đôn Tồn, Xích Thổ → Miền Nam Thái Lan và Ma-lai-xi-a.

- Malayu, Taruma → In-đô-nê-xi-a.

## **BÀI 13. GIAO LƯU THƯƠNG MẠI VÀ VĂN HOÁ Ở ĐÔNG NAM Á (TỪ ĐẦU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X)**

## **I. Quá trình giao lưu thương mại**

- Vào những thế kỉ đầu Công nguyên nhu cầu trao đổi hàng hóa giữa Trung Quốc, Ấn Độ và xa hơn là Địa Trung Hải đã mở ra tuyến đường thương mại quan trọng trên vùng biển Đông Nam Á.

- Hoạt động giao lưu thương mại ở Đông Nam Á trong mười thế kỉ đầu Công nguyên:

+ Là nơi cung cấp nước ngọt, lương thực.

+ Là nơi trao đổi những sản vật có giá trị như: hồ tiêu, đậu khấu, ngọc trai, san hô, đặc biệt là trầm hương – một mặt hàng có giá trị cao.

## **II. Quá trình giao lưu văn hóa**

+ Tôn giáo: Hin-đu giáo và Phật giáo nhanh chóng hoà quyện với tín ngưỡng bản địa

- Phù Nam, các vương quốc trên đảo Xu-ma-tra, đảo Gia-va và vương quốc Pa-gan của người Miến chịu ảnh hưởng từ Phật giáo. Hin-đu giáo lại khá phổ biến ở Chămpa, Chân Lạp.

+ Chữ viết: chữ Phạn trở thành văn tự chính của nhiều vương quốc trong buổi đầu thành lập.

+ Nghệ thuật: khu đền tháp Mỹ Sơn (Việt Nam) và quần thể Bô-rô-bu-đua (In-đô-nê-xi-a) là hai công trình kiến trúc tiêu biểu của Đông Nam Á trước thế kỉ X.

## **Chủ đề 5. Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc ( 4 tiết)**

### **BÀI 14: NHÀ NƯỚC VĂN LANG - ÂU LẠC**

#### **I. Nhà nước Văn Lang**

##### **1. Sự ra đời nhà nước Văn Lang**

- Nhà nước Văn Lang ra đời vào khoảng thế kỉ VII TCN. Đứng đầu là Hùng Vương

- Phạm vi của nhà nước Văn Lang: ven sông Hồng từ Việt Trì (Phú Thọ) đến chân núi Ba Vì (Hà Nội) ngày nay.

- Kinh đô của nhà nước Văn Lang thuộc Việt Trì (Phú Thọ) ngày nay.

## **2. Tổ chức nhà nước Văn Lang**

- Tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang:

+ Hùng Vương chia nước làm 15 bộ, giúp việc cho vua là các Lạc hầu, Lạc tướng. Đứng đầu các chiềng, chạ là Bộ chính.

## **II. Nhà nước Âu Lạc**

- Hoàn cảnh ra đời nhà nước Âu Lạc: Năm 214 TCN, quân Tần ở phương Bắc đánh xuống vùng đất sinh sống của các bộ tộc Việt. Người Lạc Việt và người Âu Việt dũng cảm chiến đấu chống quân Tần dưới sự lãnh đạo của Thục Phán. Sau kháng chiến chống Tần, Thục Phán xưng là An Dương Vương. Ông đổi tên nước thành Âu Lạc.

- Kinh đô của Âu Lạc ở Phong Khê (nay là Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội).

- Tổ chức bộ máy nhà nước Âu Lạc chặt chẽ hơn so với nhà nước Văn Lang, vua có uy quyền hơn.

## **BÀI 15: ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT THỜI KÌ VĂN LANG, ÂU LẠC**

### **I. Đời sống vật chất**

- Thức ăn: chính là cơm tẻ, cơm nếp với thịt, cá, cua, ốc, rau, dưa, cà..., biết dùng gia vị, làm bánh, nấu rượu,... Trong bữa ăn có mâm, bát, muôi,...

- Mặc: Nữ mặc váy, nam đóng khố, đi chân đất. Khi có lễ hội, nữ mặc áo và váy dài, nam mặc áo và quần dài, đầu chít khăn cài lông chim, đeo trang sức,...

- Ở: Họ làm nhà sàn ở những vùng đất cao ven sông để tránh thú dữ. Nhà sàn có mái cong

- Đi lại: Người dân Văn Lang sống ven các dòng sông lớn, phương tiện đi lại chủ yếu bằng thuyền.

### **II. Đời sống tinh thần**

+ Cư dân Văn Lang, Âu Lạc có tục thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần trong tự nhiên như thần Sông, thần Núi, thần Mặt Trời...

+ Có khiếu thẩm mỹ riêng như nhuộm răng đen, xăm mình

+ Trong những ngày lễ hội, họ thường tổ chức vui chơi, đấu vật, đua thuyền, nhảy múa, ca hát bên tiếng khèn, sáo, trống, chiêng.

## **Chủ đề 6. Thời kì Bắc thuộc và cuộc đấu tranh giành độc lập ( 2 tiết)**

### **BÀI 16: CHÍNH SÁCH CẢI TRỊ CỦA PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA VIỆT NAM THỜI KÌ BẮC THUỘC**

#### **I. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc**

##### **1. Tổ chức bộ máy cai trị**

-Nhà Hán chia nước ta thành 3 quận, gộp chung với 6 quận của Trung Quốc thành Giao Châu.

-Năm 679, nhà Đường đổi Giao Châu thành An Nam Đô hộ phủ.

→ Âm mưu: Sáp nhập nước ta vào lãnh thổ nhà Hán, xóa bỏ quốc gia, dân tộc Việt.

##### **2. Chính sách bóc lột về kinh tế**

- Nhà Hán: chiếm ruộng đất, bắt dân ta cống nạp sản vật quý, giữ độc quyền về muối và sắt.

- Nhà Ngô và nhà Lương: siết chặt ách cai trị, đặt thêm nhiều thứ thuế,...

- Nhà Đường: tăng thuế khóa và lao dịch nặng nề

##### **3. Chính sách đồng hóa**

-Trong suốt thời kì Bắc thuộc, chính quyền phong kiến phương Bắc đều thực hiện chính sách đồng hóa văn hóa đối với dân tộc ta.

- Nho giáo, tư tưởng lễ giáo phong kiến Trung Quốc được tuyền vào Việt Nam, nhưng còn hạn chế.

## **II. NHỮNG CHUYỂN BIẾN VỀ KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI**

### **1. Những chuyển biến về kinh tế**

- Nông nghiệp: trồng lúa nước là ngành chính, ngoài ra còn trồng cây ăn quả. Biết sử dụng cày, sức kéo trâu bò, đắp đê phòng lụt.

- Thủ công nghiệp: đúc tiền, làm giấy, thuốc da,... kĩ thuật đúc đồng được kế thừa và phát triển.

- Buôn bán: hàng hóa được trao đổi ở chợ làng, chợ phiên. Thương nhân Trung Quốc, Ấn Độ, Giava đến trao đổi, buôn bán.

### **2. Những chuyển biến về xã hội**

- Tầng lớp trên: có thế lực về kinh tế và uy tín trong nhân dân

- Nông dân: Chịu ảnh hưởng nặng nề của chính sách cướp đoạt ruộng đất.

- Mâu thuẫn dân tộc sâu sắc → Người Việt đứng lên lật đổ ách đô hộ, giành quyền tự chủ.